

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAKRÔNG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 18/2019/HS-ST
Ngày: 20-9-2019

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAKRÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Phương Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thuý Phương

Bà Hồ Thị Lan Phụng

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Hằng- Thư ký Toà án nhân dân huyện Đakrông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đakrông tham gia phiên toà:
Ông Trần Viết Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 19/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2019, đối với các bị cáo:

Nguyễn Hữu D, sinh ngày: 05/7/1989 tại Quảng Trị. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn M, xã B, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị. Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Hữu T sinh năm: 1958 và bà Đoàn Thị H sinh năm: 1963. Vợ thứ nhất: Phan Thị T (ly hôn năm 2014) có 02 con: Lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012; vợ thứ hai: Lê Thị Thúy H (ly hôn năm 2018) có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số: 12/2009/HSST ngày 22/12/2009 của Toà án nhân dân huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị xử phạt 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 34 tháng về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đakrông từ ngày 17/4/2019. Có mặt.

Nguyễn Hữu N, tên gọi khác: M, sinh ngày: 03/5/1996 tại Quảng Trị. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn M, xã B, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu Th sinh năm: 1968 và bà Đinh Thị H sinh năm: 1972; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không, có mặt.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

- *Bị hại:* Công ty TNHH N, địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị. Người đại diện theo pháp luật ông Đỗ Viết H, chức vụ: Giám đốc công ty, trú tại: Thôn X, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh **Nguyễn Hữu K**, sinh năm: 1993, trú tại: Thôn M, xã B, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

+ Bà **Trần Thị H**, trú tại: Thôn M, xã B, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

+ Ông **Nguyễn Văn S**, trú tại: Thôn X, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

+ Anh **Phan Văn B**, sinh năm: 1985, trú tại: Thôn X, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

+ Ông **Nguyễn Hữu T**, sinh năm: 1958, trú tại: Thôn M, xã B, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

- *Người làm chứng:*

+ Anh **Nguyễn T**, sinh năm: 1976, trú tại: Thôn V, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

+ Chị **Hồ Thị T**, sinh năm: 1979, trú tại: Thôn v, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt

+ Anh **Nguyễn Phi C**, sinh năm: 1978, trú tại: Thôn M, xã B, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị,, vắng mặt.

+ Chị **Hà Thị Nh**, sinh năm: 1978, trú tại: Thôn M, xã B, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị,, có mặt.

+ Anh **Nguyễn Văn Ch**, sinh năm: 1992, trú tại: Thôn M, xã B, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 15/4/2019, Nguyễn Hữu D nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH N ở Thôn X, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị do ông Đỗ Viết H, sinh năm: 1967 làm giám đốc nên đã điện thoại cho Nguyễn Hữu N và nói “Lên chờ eng (anh) với”. N đã dùng xe mô tô chở D đến lán trông coi bãi khai thác cát, sỏi của Công ty TNHH N. Đến nơi, N ngồi ngoài xe mô tô, còn D đi vào trong lán, dùng bật lửa ga đã chuẩn bị sẵn từ trước đốt cháy những tài sản trong lán nhằm uy hiếp, đe dọa ông H để lấy tiền.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút ngày 16/4/2019, khi đang ngồi uống bia cùng N và một số người khác tại nhà anh Nguyễn Phi C, trú tại: Thôn M, xã B, huyện Đ, D dùng điện thoại của mình có số thuê bao 0935695117 nháy vào điện thoại ông Đỗ Viết H theo số thuê bao 0369306555 nên ông H gọi lại cho D. Khi ông H gọi lại D nói “Chú H à, thằng em mới đi tù về chú giúp cho ít để mở quán mưu sinh”, ông H trả lời “Bãi đóng thuế má này nọ, làm không có chi”. Vì trong bàn nhậu nói chuyện ồn ào nên D tắt máy rồi đi ra ngoài nháy máy lại cho ông H, ông H gọi lại cho D và nói “Chú làm ăn khó khăn có chi mô”, D nói “Không, bữa ni rõ ràng, nộp tiền bảo kê tháng cho khoẻ, tháng bảy triệu”. Nói xong D tắt máy rồi đi vào nhậu tiếp, nhậu thêm một lúc thì D rủ Nh lên nhà bà H (Trú cùng thôn với D) ăn chè. Ở quán chè bà H, D nói với N “Ăn chè xong hai đứa qua phá lán H” N đồng ý và nói “Ăn xong rồi đi”. Sau đó, N vào xưởng mộc nhà bà H lấy 01 cái búa dài 37 cm (Cán bằng gỗ, đầu búa bằng kim loại) để trước giá xe mô tô và chở D đi. Trên đường đi D nói với N “Ghé vào quán chị Nh mua xăng đốt lán H” và D mua 01 lít xăng mang theo. Đến nơi, D đổ ½ lít xăng vào xe mô tô, nửa còn lại D đổ rải quanh lán rồi dùng bật lửa ga châm đốt. Lúc lửa đang cháy, D ném vỏ chai nhựa đựng xăng và bật lửa ga vào đám cháy, còn N dùng búa đã chuẩn bị sẵn đập vỡ bức tường xây bằng bơ lô xi măng. Sau đó, cả hai cùng đi qua lán thứ hai của ông H cách lán đầu khoảng 500m để tiếp tục đốt và đập phá tài sản. Khi đến lán thứ hai, vì anh Nguyễn T, chị Hồ Thị T (là người làm thuê cho ông H) ở tại lán nên D không đốt lán mà chỉ đập vỡ bình nhựa nước lọc loại 18 lít rồi đập lên trên góc của mặt bàn, đập gãy thành giường ở trong lán. Sau khi đập xong, D nói với anh Nguyễn T, chị Hồ Thị T “Xin mấy triệu bạc mà Hà lúc mô cũng khó khăn, ngày mai H mà không cầm 20 triệu qua thì khỏi có xe nào hút cát hết”. Nói rồi D và N lên xe mô tô bỏ đi.

Sau khi được thông báo về việc D và N đến đốt, đập phá tài sản ở hai lán trại của mình, ông H đã gọi điện thoại cho D thì bị D đe dọa, yêu cầu ông H đưa tiền cho mình, ông H lo sợ, thuyết phục D giảm tiền thì D đồng ý giảm còn 5.000.000đ/tháng, đồng thời D và ông H hẹn thời gian giao nhận tiền là ở đầu cầu Tr giáp ranh giữa xã B và xã Tr, vào lúc 21 giờ 30 phút. Khi D đang nhận và

kiểm tra số tiền 5.000.000 đồng thì bị lực lượng Công an huyện Đakrông bắt quả tang.

Tại hiện trường vụ án, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đakrông thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Dream, màu đen, BKS: 74K1- 024.11 đã qua sử dụng.

- 01 (một) gậy gỗ dài 69 cm, rộng 05 cm, bề dày 02 cm, một đầu bằng, một đầu vát nhọn.

- 01 (một) chiếc búa dài 37 cm, cán búa làm bằng gỗ hình trụ, đường kính 03 cm, đầu búa làm bằng kim loại hình hộp chữ nhật, sơn màu đỏ, dài 11 cm, rộng 04 cm.

- 01 (một) máy điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, đã qua sử dụng, bên trong có gắn 02 số thuê bao: 0935.695.117 và 0867.727.568.

- 01 (một) tờ tiền VNĐ mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

- 11 (mười một) tờ tiền VNĐ mệnh giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Trong đó có 09 (chín) tờ tiền bên trên bề mặt có chữ “Hà”.

- 18 (mười tám) tờ tiền VNĐ mệnh giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng). Trong đó có 09 (chín) tờ tiền bên trên bề mặt có chữ “H”.

- 10 (mười) tờ tiền VNĐ mệnh giá 50.000đ (năm mươi nghìn đồng). Trong đó có 01 tờ tiền bên trên bề mặt có chữ “H”.

Tại bản kết luận số: 05/KL-GĐ ngày 24/6/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đakrông kết luận: Toàn bộ tài sản ở 02 (hai) lán trại bị thiệt hại trị giá 1.860.000 đồng (một triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

Tại bản cáo trạng số: 17/CT-VKSĐK ngày 02/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đakrông truy tố bị cáo Nguyễn Hữu D và Nguyễn Hữu N về tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đakrông giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố Nguyễn Hữu D, Nguyễn Hữu N phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Đối với Nguyễn Hữu N còn áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Hữu D từ 15 đến 18 tháng tù, Nguyễn Hữu N từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Trả lại cho anh Phan Văn B 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu đen, Biển kiểm soát: 74K1- 024.11 đã qua sử dụng; tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, đã qua sử dụng và 02 sim điện thoại số thuê bao: 0935.695.117 và 0867.727.568; Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) gậy gỗ có kích thước 69cm x 05cm x 02 cm, một đầu bằng, một đầu vát nhọn và 01 (một) chiếc búa dài 37 cm, cán búa làm bằng gỗ hình trụ, đường kính 03 cm, đầu búa làm bằng kim loại hình hộp chữ nhật, sơn màu đỏ, dài 11 cm, rộng 04 cm.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như trong hồ sơ thể hiện và nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đakrông đã truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1 Về hành vi, quyết định của Cơ quan Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Điều tra viên và Kiểm sát viên huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị hại, người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Nguyễn Hữu D nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH N nên đã rủ Nguyễn Hữu N đến đập phá và đốt lán bảo vệ bãi khai thác vật liệu xây dựng cát, sỏi của Công ty TNHH N tại xã T, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị, sau đó D sử dụng điện thoại nhiều lần gọi cho ông Đỗ Viết H- Giám đốc công ty nhằm uy hiếp tinh thần để buộc Công ty phải nộp tiền khai thác cát sỏi hàng tháng cho D. Vì lo sợ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty nên ông H đã đồng ý giao tiền cho D với mức 5.000.000đ/tháng. Như đã hẹn với D, ông H đưa tiền đến Cầu Tr giáp ranh giữa hai xã B và T, huyện Đakrông để giao cho D và

trong lúc D nhận 5.000.000 đồng thì bị lực lượng Công an huyện Đakrông bắt quả tang.

Tại bản kết luận số: 05/KL-GĐ ngày 24/6/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đakrông kết luận: Toàn bộ tài sản bị thiệt hại trị giá 1.860.000 đồng (một triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

Hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu D và Nguyễn Hữu N đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đakrông truy tố bị cáo Nguyễn Hữu D và Nguyễn Hữu N là đúng người, đúng tội.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an tại địa phương, gây hoang mang trong khu dân cư xảy ra vụ án. Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi ép người khác giao tiền cho các bị cáo trái pháp luật nhưng vì muốn có tiền sử dụng cá nhân bằng con đường bất chính mà các bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc nhằm răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm đơn giản, tuy nhiên cũng cần phân tích vai trò của các bị cáo trong vụ án để cá thể hóa hình phạt cho tương xứng với mức độ hành vi của các bị cáo. Trong vụ án này Nguyễn Hữu D là khởi người khởi xướng, lôi kéo Nguyễn Hữu N cùng tham gia, Nguyễn Hữu D là người thực hiện hành vi phạm tội tích cực, là người trực tiếp đe dọa, uy hiếp giám đốc Công ty TNHH N để buộc Công ty giao nộp tiền nên phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo Nguyễn Hữu N

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo Nguyễn Hữu D đã tác động ông Nguyễn Hữu T (Bố của bị cáo D) cùng với Nguyễn Hữu N bồi thường khắc phục hậu quả, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự,

Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Hữu D có nhân thân không tốt, tại bản án số: 12/2009/HSST ngày 22/12/2009 của Tòa án nhân dân huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị xử phạt 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 34 tháng về tội “Cố ý gây thương tích” . Mặc dù bị cáo đã chấp hành xong và đã được xóa án tích nhưng bị cáo lại không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân nay tiếp tục phạm tội chứng tỏ bị cáo là người thiếu tu dưỡng bản thân, coi thường kỷ cương pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời gian nhất định mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo tuân theo pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Hữu D đang bị tạm giam, cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Đối với bị cáo Nguyễn Hữu N là người thực hiện với vai trò giúp sức, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo và thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng, Nhà nước ta đối với người phạm tội (khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự).

Hiện bị cáo đang được tại ngoại và thực hiện biện pháp ngăn chặn là Cấm đi khỏi nơi cư trú. Vì vậy cần tiếp tục thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

Đối với Nguyễn Hữu K đi cùng với D và N đến địa điểm ông Hà hẹn giao tiền nhưng không biết hành vi phạm tội của D và N nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Hữu K.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được bồi thường toàn bộ và tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của bị hại không có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Đối với số tiền 5.000.000đ D và N cưỡng đoạt của Công ty TNHH N, ngày 20/4/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đakrông đã trả lại cho Công ty TNHH N nên không xem xét.

Đối với chiếc xe mô tô Biển kiểm soát: 74K1- 024.11 số máy P50FMG000477, số khung G2UM9XK00477 là tài sản hợp pháp của anh Phan Văn B, Bị cáo Nguyễn Hữu D mượn sử dụng vào việc phạm tội anh Phan Văn B không biết nên cần trả lại cho anh Phan Văn B.

Đối với 01 (một) gậy gỗ và 01 (một) chiếc búa không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) máy điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, đã qua sử dụng và 02 sim điện thoại 0935.695.117 và 0867.727.568 bị cáo Nguyễn Hữu Duy đã sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[6]Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hữu D và Nguyễn Hữu N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 170; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Nguyễn Hữu N được áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu D và Nguyễn Hữu N phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu D 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 17/4/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai bốn) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu N cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách của án treo, gia

đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đakrông trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho anh Phan Văn B 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu đen, Biển kiểm soát: 74K1- 024.11, số máy P50FMG000477, số khung G2UM9XK00477 (đã qua sử dụng).

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, IMEI1: 352885104888886 đã qua sử dụng và 02 sim điện thoại số thuê bao: 0935.695.117 và 0867.727.568 (đã qua sử dụng).

- Tịch thu tiêu hủy:

- + 01 (một) gậy gỗ dài 69 cm, rộng 05 cm, bề dày 02 cm, một đầu bằng, một đầu vát nhọn.

- + 01 (một) chiếc búa dài 37 cm, cán búa làm bằng gỗ hình trụ, đường kính 03 cm, đầu búa làm bằng kim loại hình hộp chữ nhật, sơn màu đỏ, dài 11 cm, rộng 04 cm.

Vật chứng hiện lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/8/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đakrông và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Hữu D và Nguyễn Hữu N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Đakrông;
- Công an huyện Đakrông;
- Chi cục THADS huyện Đakrông;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo;
- Bị hại, Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Tiến